TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2017/QĐDS-HNGĐ
Ngày: 16 - 11 -2017
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Tiến Hùng - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 12/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2017/QĐPH-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam. Địa chỉ hiện nay: 56 Db st K 3031 Australia. Hiện đang lao động tại Australia. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà Trương Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm A, thôn M, xã D, huyện C, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn P và chị Trần Thị L.

- Yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con giữa anh Phạm Văn P và chị Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm b khoản 4 Điều 363 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tại phiên họp giải quyết việc dân sự có mặt anh P, vắng mặt chị L có đơn xin vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Trần Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2013 chị L đi du học tại Australia, vợ chồng xa cách, tình cảm vợ chồng thay đổi, bất đồng về quan điểm sống và cách sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, thường xuyên cãi vã. Anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2013, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh P và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh P và chị L thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh P và chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về nuôi con: Anh P và chị L xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Quỳnh Khánh N, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh Khánh E, sinh ngày 28/4/2012. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận để chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu E cho đến khi hai cháu trưởng thành, lao động tự lập được và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh chị. Tại bản tự khai ngày 18/10/2017, cháu N có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ để mẹ chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu. Xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ và các yêu cầu khác anh P và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Người yêu cầu phải chịu theo quy định của pháp luật. Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai anh P tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, anh

nộp thay cho chị L và chị L đồng ý với sự tự nguyện của anh P. Tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001695 ngày 16/10/2017, bà Trương Thị H là mẹ đẻ của chị L đã nộp thay cho chị Trần Thị L và anh Phạm Văn P. Nay tại phiên tòa bà H đề nghị chuyển số tiền 300.000đ trên thành số tiền lệ phí anh P phải nộp theo thỏa thuận của anh P và chị L. Bà không yêu cầu anh P trả lại bà số tiền 300.000đ nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn, thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho anh P và chị L. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị L, giao cháu Phạm Quỳnh Khánh N, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh Khánh E, sinh ngày 28/4/2012 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Anh P và chị L mỗi người phải nộp 150.000đ, anh chị thỏa thuận anh P nộp thay cả phần của chị L. Anh P đã thi hành xong phần lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ 300.000đ mà bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 67, khoản 2 Điều 149, Điều 396, Điều 370, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam và chị Trần Thị L, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam. Địa chỉ hiện nay: 56 Db st K 3031 Australia. Hiện đang lao động tại Australia.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Văn P và chị Trần Thị L, giao chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quỳnh

Khánh N, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh Khánh E, sinh ngày 28/4/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Không ai được quyền ngăn cản trong việc gặp gỡ, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Quỳnh Khánh N và cháu Phạm Quỳnh Khánh E.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Văn P và chị Trần Thị L mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P và chị L để anh P nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho cả anh P và chị L. Anh P được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Trương Thị H (mẹ đẻ của chị Trần Thị L) đã nộp thay tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2015/0001695 ngày 16/10/2017. Anh P và chị L đã thi hành xong phần lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi công bố.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Tiến Hùng